

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Huệ

2. Ông Hà Thanh Oai

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/TLST-DS ngày 25/6/2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị X - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh B. Có mặt

* *Bị đơn*: Ông Hoàng Sinh V, sinh năm 1962; địa chỉ: N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Sầm Đức T1 – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh B. Có mặt.

*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T2 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Hứa Thị N, sinh năm 1956; vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn P; sinh năm 1989; có mặt.

- Chị Bàn Thị N1; sinh năm 1990; vắng mặt.

- Bà Bé Thị O; sinh năm 1965; vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn T3; sinh năm 1984; có mặt.

- Ông Hoàng Văn V1; sinh năm 1961; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Lý Thị T4; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Hứa Thị N, chị Bàn Thị N1, bà Bé Thị O là ông Hoàng Sinh V.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

- Chị Lô Thị P1; sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm Đ, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn bà Hoàng Thị T được quyền sử dụng diện tích 3.532,6m² đất tranh chấp, được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-23-25-29-31-32-1. Trong đó:

- Phần diện tích 3119,1 m² nằm trong thửa đất số 365, tờ bản đồ số 2 GCNQSDĐ số AM094176 cấp ngày 01/7/2009 cho bà Hoàng Thị T.

- Phần diện tích 21,0m² đất nằm trong thửa đất số 336 tờ bản đồ số 2, GCNQSDĐ số AM 094111 ngày 01/7/2009 mang tên hộ ông Hà Văn C, bà Lý Thị T4.

- Phần diện tích 392,5m² nằm trong thửa đất số 360 tờ bản đồ số 2, GCNQSDĐ số AM 094157 ngày 01/7/2009 mang tên hộ ông Hoàng Văn V1 và bà Hứa Thị H.

Địa chỉ tại: K, thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

(Diện tích các phần đất được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2024 có bản trích đo địa chính thửa đất kèm theo)

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động theo ranh giới thực tế mà các bên đã xác định.

2.2. Bị đơn không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 904176 cấp ngày 01/7/2009 cho bà Hoàng Thị T đối với diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất 365 tờ bản đồ số 2 tại Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

- Nguyên đơn tự nguyện chịu 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Bị đơn chịu tự nguyện chịu 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đó bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*)

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà **Hoàng Thị T** 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000572 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương

